TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2023.
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kết.

2. Bà Dương Thị Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Luyến – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 77/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx, Lương Văn B, ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh L. Có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx, Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình N có đơn đề nghị vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2023 và trong quá trình tố tụng có nội dung như sau: Năm 20xx ông và bà Nguyễn Thị Kim T xác lập quan hệ hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố T, tỉnh L ngày 27/11/20xx. Sau khi sống chung, vợ chồng sống tại ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh L. Vợ chồng sống chung có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng

không tìm hiểu kỹ trước khi sống chung. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay xét thấy không thể hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Nuôi con chung: Ông và bà T có con chung tên Nguyễn Đình P, sinh ngày 17/8/20xx. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu bà T trực tiếp nuôi con, ông cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng.

Chia tài sản chung; Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông N về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Bà và ông N có thời gian tìm hiểu khoảng 3 tháng thì sống chung. Quá trình chung sống có chút mâu thuẫn nhưng vợ chồng đã hòa giải với nhau tiếp tục cuộc hôn nhân vì thương con. Sau đó, bà phát hiện ông N có mối quan hệ bất chính với người khác nên vợ chồng xảy ra cải nhau, ông N tự ý làm đơn ly hôn, cho dù gia đình hai bên đã khuyên nhưng ông N không thay đổi ý kiến. Ông N tự cắt đứt mọi liên lạc, từ bỏ gia đình, không nhìn mặt con nên bà không có cách nào níu kéo được ông N quay về với vợ con. Bà T xác định không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông N.

Nuôi con chung: Bà và ông Ng có con chung tên Nguyễn Đình P, sinh ngày 17/8/20xx. Trường hợp Tòa án chấp nhận theo yêu cầu của ông N thì bà yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Chia tài sản chung: Không có.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Đình N có đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Trụ giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T; hiện bà T đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N, thành phố T, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/11/20xx. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà T là hợp pháp.

[5] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông N. Bà Tuyến xác định vợ chồng sống chung hạnh phúc đến ngày 12/3/2023 bà phát hiện ông N có mối quan hệ bất chính với người khác do ông N có chụp những tấm hình nhạy cảm trong điện thoại của ông N nên xảy ra cải nhau. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, ông N tự cắt đứt mọi liên lạc với gia đình nên bà không có cách nào khuyên nhủ và níu kéo ông N quay về với gia đình. Bà T xác định còn tình cảm với ông N và mong muốn được đoàn tụ nhưng bà không có phương pháp để vợ chồng đoàn tụ lại với nhau, vợ chồng sống ly thân từ ngày 12/3/2023 cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà T là trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên quyết định cho ông Nguyễn Đình N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T.

[6] Nuôi con chung: Ông N và bà T có con chung tên Nguyễn Đình P, sinh ngày 17/8/20xx. Ông N đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và bà T có nguyện vọng nuôi con. Xét, con chung hiện đang sống chung với bà T. Mặc khác, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, do cháu P chưa đủ 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Nguyễn Đình P cho bà T nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nhưng ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Xét, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Khi chấm dứt quan hệ hôn nhân, giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, bên không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà T nuôi con, ông N phải cấp dưỡng. Mặc dù, bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nhưng ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng nên để đảm

bảo quyền và lợi ích cho cháu P và sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông N không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Chia tài sản: Ông N và bà T xác định không có.

[9] Nghĩa vụ trả nợ: Ông N và bà T xác định không có.

[10] Về án phí: Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình N về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" với bà Nguyễn Thị Kim T.

1.1 Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Kim T.

1.2 Nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đình P, sinh ngày 17/8/20xx cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đình N phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng) bắt đầu ngày 29/6/2023 cho đến khi có một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đình N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003334 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Ông N phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An.
-VKSND huyện Tân Trụ.
-THA DS huyện Tân Trụ.
- UBND xã N, thành phố T, tỉnh;
-Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa